

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	2-5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	7-8
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	9-30

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*Quý 1 năm 2011**Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011**Đơn vị tính: đồng*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		284.258.374.859	309.829.849.033
<u>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</u>	110		31.170.257.303	89.121.950.659
1. Tiền	111	V.01	25.170.257.303	38.121.950.659
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	51.000.000.000
<u>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</u>	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129			
<u>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</u>	130		215.556.023.031	184.862.827.184
1. Phải thu của khách hàng	131	V.02	143.520.664.861	120.771.355.392
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	67.274.573.248	59.798.193.807
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		171.565.996	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	4.597.018.926	4.301.077.985
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(7.800.000)	(7.800.000)
<u>IV. Hàng tồn kho</u>	140		29.890.153.555	26.776.575.170
1. Hàng tồn kho	141	V.05	29.890.153.555	26.776.575.170
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<u>V. Tài sản ngắn hạn khác</u>	150		7.641.940.970	9.068.496.020
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	3.432.581.776	776.963.738
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		444.769.770	4.670.392.725
3. Thuế & các khoản phải thu nhà nước	154			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.08	3.764.589.424	3.621.139.557

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		304.618.842.814	302.336.943.551
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		203.249.548.859	196.830.209.701
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	200.188.691.172	142.471.113.648
- Nguyên giá	222		300.458.429.119	231.122.564.493
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(100.269.737.947)	(88.651.450.845)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	2.259.667.344	2.447.972.976
- Nguyên giá	225		4.519.334.928	4.519.334.928
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(2.259.667.584)	(2.071.361.952)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	801.190.343	51.911.123.077
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		72.329.263.138	81.093.215.114
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		11.442.283.138	7.894.235.114
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	60.886.980.000	73.198.980.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		29.040.030.817	24.413.518.736
1. Chí phí trả trước dài hạn	261	V.13	27.620.030.817	22.993.518.736
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	-	
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	1.420.000.000	1.420.000.000
TỔNG CÔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		588.877.217.673	612.166.792.584

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		233.790.161.303	236.817.164.854
<u>I. Nợ ngắn hạn</u>	310		176.222.205.701	186.690.610.131
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	11.345.855.275	13.785.855.280
2. Phải trả cho người bán	312	V.17	69.561.457.831	70.972.192.881
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	31.153.842.188	18.213.191.208
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	13.377.259.262	32.215.345.051
5. Phải trả người lao động	315		12.560.002.656	20.195.874.113
6. Chi phí phải trả	316	V.20	19.005.330.304	3.761.408.031
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	12.796.100.071	15.081.959.438
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	6.422.358.114	12.464.784.129
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
<u>II. Nợ dài hạn</u>	330		57.567.955.602	50.126.554.723
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		970.200.000	970.200.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	55.792.699.024	48.381.571.760
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24	805.056.578	774.782.963
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400	V.26	310.668.318.422	333.981.846.044
<u>I. Vốn chủ sở hữu</u>	410		310.668.318.422	333.981.846.044
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		186.999.050.000	186.999.050.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.000.950.000	8.000.950.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(13.492.590)	(13.492.590)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	23.732.687.173	21.923.344.430
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		15.427.388.918	14.522.717.547
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		76.521.734.921	102.549.276.657
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp				
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.27	44.418.737.948	41.367.781.686
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		588.877.217.673	612.166.792.584

Lập ngày 18 tháng 05 năm 2011

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

Lê Việt Hải**Đỗ Thanh Trường****Nguyễn Văn Uẩn**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*Quý 1 năm 2011**Đơn vị tính: đồng*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	162.966.200.950	141.740.548.539	162.966.200.950	141.740.548.539
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		162.966.200.950	141.740.548.539	162.966.200.950	141.740.548.539
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	128.313.356.120	104.283.405.135	128.313.356.120	104.283.405.135
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34.652.844.830	37.457.143.404	34.652.844.830	37.457.143.404
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.441.669.696	1.301.127.134	2.441.669.696	1.301.127.134
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.152.460.251	591.136.343	1.152.460.251	591.136.343
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.109.104.982</i>	<i>587.909.741</i>	<i>1.109.104.982</i>	<i>587.909.741</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	345.472.388	296.469.805	345.472.388	296.469.805
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	6.984.106.015	5.726.445.124	6.984.106.015	5.726.445.124
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.612.475.872	32.144.219.266	28.612.475.872	32.144.219.266
11. Thu nhập khác	31	VI.7	69.862.056	336.554.008	69.862.056	336.554.008
12. Chi phí khác	32	VI.8	4.122.572	19.649.697	4.122.572	19.649.697
13. Lợi nhuận khác	40		65.739.484	316.904.311	65.739.484	316.904.311
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(451.951.976)		(451.951.976)	
14. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế	50		28.226.263.380	32.461.123.577	28.226.263.380	32.461.123.577
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		6.712.886.424	7.910.969.477	6.712.886.424	7.910.969.477
16. Chi phí thuế TNDN được miễn giảm	52		-	-	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	53		-	245.973.314	-	245.973.314
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		21.513.376.956	24.304.180.786	21.513.376.956	24.304.180.786
<i>18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số</i>	<i>61</i>		<i>3.389.951.403</i>	<i>1.344.126.239</i>	<i>3.389.951.403</i>	<i>1.344.126.239</i>
<i>18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ</i>	<i>62</i>		<i>18.123.425.553</i>	<i>22.960.054.547</i>	<i>18.123.425.553</i>	<i>22.960.054.547</i>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	969	1.351	969	1.351

Lập ngày 18 tháng 05 năm 2011

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc***(đã ký)**(đã ký)**(đã ký)***Lê Việt Hải****Đỗ Thanh Trường****Nguyễn Văn Uẩn**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)**Quý I năm 2011**Đơn vị tính : đồng*

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		28.226.263.380	32.461.123.577
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			-	
-	Khấu hao tài sản cố định	02		9.907.652.302	6.230.808.442
-	Các khoản dự phòng	03		-	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.254.490.990)	(1.607.469.953)
-	Chi phí lãi vay	06		1.109.104.982	587.909.741
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		36.988.529.674	37.672.371.807
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(19.500.310.668)	(15.707.964.488)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.113.578.385)	(12.755.132.522)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5.516.267.774	24.039.400.924
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.282.130.119)	(3.855.888.155)
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(1.109.104.982)	(767.909.741)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(21.216.935.934)	(9.465.017.676)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		319.347.524	
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.856.513.888)	(2.300.534.541)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(12.254.429.004)	16.859.325.608
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(22.810.200.092)	(9.324.362.385)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.000.000.000)	(5.000.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		12.345.283.801	
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	2.301.646.780	1.301.127.134
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.163.269.511)	(13.023.235.251)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			1.250.000.000
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		10.422.372.264	829.000.000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7.201.245.000)	(3.516.125.000)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	V.16	(250.000.005)	(625.000.005)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(36.505.122.100)	(41.017.952.500)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.533.994.841)	(43.080.077.505)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(57.951.693.356)	(39.243.987.148)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	89.121.950.659	94.099.994.680
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	31.170.257.303	54.856.007.532

Lập ngày 18 tháng 05 năm 2011

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

Lê Việt Hải**Đỗ Thanh Trường****Nguyễn Văn Uẩn**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 Năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 Năm 2011 của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
- Hoạt động kinh doanh chính** : Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, đường thủy nội địa, Dịch vụ logistics, Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, Đại lý vận tải đường biển, Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, Dịch vụ khai thuê hải quan, Dịch vụ cho thuê kho bãi, kiểm đếm, đóng gói hàng hóa (trừ kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật), Dịch vụ cung cấp tàu biển.

4. Danh sách Công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</i>	<i>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đại lý Tân Cảng Số Một	Số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP Hồ Chí Minh	51%	51%
Công ty Cổ phần Vận tải Tân Cảng Số Hai	Cảng Tân Cảng - Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	51%	51%

5. Danh sách Công ty liên kết áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</i>	<i>Quyền biểu quyết của Công ty</i>
Công ty Cổ phần Tiếp vận Suối Năng	Số 40, đường 41, khu phố 4, phường Thảo Điền, quận 2, TP Hồ Chí Minh	49%	49%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress	Cảng Tân Cảng - Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	30.2%	40%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến	1295B Nguyễn Thị Định, P.Cát	36%	36%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thành

Lái, quận 2, TP.HCM

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Tập đoàn trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của Công ty con.

Các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập bằng cách cộng từng chỉ tiêu thuộc Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con sau đó thực hiện điều chỉnh cho các nội dung sau:

- Giá trị ghi sổ khoản đầu tư của Công ty mẹ trong Công ty con và phần vốn của Công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con được loại trừ toàn bộ;
- Lợi ích của cổ đông thiểu số được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu tách biệt với nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Phần sở hữu của cổ đông thiểu số được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Giá trị các khoản mục phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ hoàn toàn;
- Các chỉ tiêu doanh thu, chi phí phát sinh từ việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ giữa Công ty mẹ và Công ty con, cổ tức, lợi nhuận đã phân chia và đã ghi nhận được loại trừ toàn bộ.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6-7
Máy móc và thiết bị	6-7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-6
Tài sản cố định khác	4

7. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài được công bố tại thuyết minh số IV.6.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách và:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

- Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá thị trường của chứng khoán chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường này, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên thì không trích lập dự phòng.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào cổ phiếu, đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí kho bãi

Chi phí đầu tư xây dựng bãi chứa container rỗng (depot) được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê kho bãi là 60 tháng.

Chi phí thuê xe đầu kéo

Chi phí thuê xe đầu kéo được phân bổ theo thời gian thuê.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	163.833.979	176.012.143
Tiền gửi ngân hàng	25.006.423.324	37.945.938.516
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở xuống)	6.000.000.000	51.000.000.000
Cộng	<u>31.170.257.303</u>	<u>89.121.950.659</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu phí dịch vụ xếp dỡ Container	41.586.345.216	24.384.282.296
Phải thu dịch vụ vận chuyển	69.471.719.037	50.533.791.738
Phải thu dịch vụ depot	23.101.639.707	33.881.722.834
Phải thu dịch vụ SC cont	2.957.991.542	2.041.216.806
Phải thu về hoạt động xây lắp	785.904.000	
Phải thu về các dịch vụ khác	5.617.065.359	9.930.341.718
Cộng	<u>143.520.664.861</u>	<u>120.771.355.392</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Về sửa chữa, xây dựng cơ bản	3.203.405.540	638.910.000
Về mua sắm tài sản cố định	38.312.868.316	39.702.723.541
Về dịch vụ xếp dỡ, vận chuyển	-	
Về hoạt động xây lắp	24.810.477.110	18.590.591.371
Về các dịch vụ khác	947.822.282	865.968.895
Cộng	<u>67.274.573.248</u>	<u>59.798.193.807</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền thuế TNCN người lao động	1.348.333.997	
Các khoản phải thu khác	3.248.684.929	4.301.077.985
Cộng	<u>4.597.018.926</u>	<u>4.301.077.985</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là khoản lập dự phòng phải thu tiền hàng Công ty tạp phẩm Sài Gòn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	4.495.537.994	3.875.749.035
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.394.615.561	22.900.826.135
Cộng	<u>29.890.153.555</u>	<u>26.776.575.170</u>

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	2.252.015.283	1.790.317.981
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.512.574.141	1.830.821.576
Cộng	<u>3.764.589.424</u>	<u>3.621.139.557</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	9.967.742.069	134.875.693.337	84.543.474.199	1.614.970.842	120.684.046	231.122.564.493
Mua sắm mới	46.176.670	69.215.285.230	0	74.402.726	0	69.335.864.626
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	0	0	0	0	0	0
Nhận vốn góp bằng tài sản tại Công ty con	0	0	0	0	0	0
Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0	0
Số cuối kỳ	10.013.918.739	204.090.978.567	84.543.474.199	1.689.373.568	120.684.046	300.458.429.119
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	830.645.172	63.381.388.059	23.653.730.223	760.618.956	25.068.435	88.651.450.845
Khấu hao trong kỳ	415.322.586	5.989.509.980	5.076.753.576	129.805.397	6.895.563	11.618.287.102
Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0	0	0
Số cuối kỳ	1.245.967.758	69.370.898.039	28.730.483.799	890.424.353	31.963.998	100.269.737.947
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	9.137.096.897	71.494.305.278	60.889.743.976	854.351.886	95.615.611	142.471.113.648
Số cuối kỳ	8.767.950.981	134.720.080.528	55.812.990.400	798.949.215	88.720.048	200.188.691.172

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Là máy móc thiết bị đi thuê tài chính, chi tiết:

	<u>Máy móc thiết bị</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	4.519.334.928
Tăng trong năm	
Số cuối năm	<u>4.519.334.928</u>
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	2.071.361.952
Tăng trong năm do khấu hao	188.305.632
Giảm trong năm	
Số cuối năm	<u>2.259.667.584</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	2.447.972.976
Số cuối năm	<u>2.259.667.344</u>

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	51.694.068.834	19.501.163.413	68.997.938.411	1.613.157.736	584.136.100
XDCB dở dang	217.054.243	-		-	217.054.243
- Công trình Dự án 50ha huyện Tân Thành	<u>217.054.243</u>				<u>217.054.243</u>
Cộng	<u>51.911.123.077</u>	<u>19.501.163.413</u>	<u>68.997.938.411</u>	<u>1.613.157.736</u>	<u>801.190.343</u>

11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress ⁽ⁱ⁾	40%	4.349.090.270	40%	4.854.818.140
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành ⁽ⁱⁱ⁾	36%	4.264.891.257	36%	500.000.000
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Suối Năng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	49%	<u>2.828.301.611</u>	49%	<u>2.539.416.974</u>
Cộng		<u>11.442.283.138</u>		<u>7.894.235.114</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3501556139 ngày 10 tháng 3 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress 7.146.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Trong năm và tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ 7.146.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0310151577 ngày 12 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành là 54.000.000.000 VND. Trong năm và tại ngày 31/03/2011, Công ty đã đầu tư 4.500.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành là 49.500.000.000 VND.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 41103200063 ngày 30 tháng 3 năm 2009 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp Vận Suối Năng 98.000 USD, tương đương 49% vốn điều lệ. Công ty đã đầu tư đủ số vốn đã cam kết.

12. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		14.666.980.000		14.666.980.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội	871.698	14.666.980.000	871.698	14.666.980.000
Đầu tư vào đơn vị khác		53.832.000.000		53.832.000.000
- Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	750.000	7.500.000.000	750.000	7.500.000.000
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước (*)			1.231.200	12.312.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu	800.000	8.000.000.000	800.000	8.000.000.000
- Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000
- Công ty Cổ phần Tân Cảng 128 – Hải Phòng	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
- Đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng Mỹ Thới – An Giang	100.000	1.020.000.000	100.000	1.020.000.000
- Tổng Công ty Bến Thành ^(a)		10.000.000.000		10.000.000.000
Đầu tư hợp tác kinh doanh ^(b)		4.700.000.000		4.700.000.000
Cộng		60.886.980.000		73.198.980.000

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác là do Công ty là cổ đông sáng lập góp vốn thành lập các Công ty cổ phần với số vốn điều lệ cam kết góp nhỏ hơn 20% số vốn điều lệ của các Công ty Cổ phần mới thành lập.

(*) Trong kỳ, Công ty đã thoái vốn đầu tư vào Công ty CP Tân Cảng Hiệp Phước theo nghị quyết HĐQT số 531/NQ-HĐQT ngày 16/10/2010.

^(a) Trong năm 2010, Công ty đã chuyển 10.000.000.000 VND vào Tổng Công ty Bến Thành để góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành theo “Thỏa thuận nguyên tắc” về việc thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Bến Thành.

^(b) Là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh để thực hiện xây dựng cầu tàu, bến sà lan phục vụ cho hoạt động kinh doanh nâng hạ container với Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

13. Chi phí trả trước dài hạn

Số đầu năm	22.993.518.736
Tăng trong kỳ	7.038.670.060
Kết chuyển vào chi phí	2.412.157.979
Số cuối kỳ	27.620.030.817

14. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn thuê kho bãi.

15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả	11.262.522.000	13.452.522.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	83.333.275	333.333.280
Cộng	11.345.855.275	13.785.855.280

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn đến hạn trả	13.452.522.000	2.190.000.000	11.262.522.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	333.333.280	250.000.005	83.333.275
Cộng	13.785.855.280	2.440.000.005	11.345.855.275

16. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Về chi phí bốc xếp	31.414.888.106	32.853.799.949
Về chi phí nguyên vật liệu	2.586.518.005	4.074.016.465
Về mua sắm, sửa chữa tài sản cố định	12.923.317.098	12.509.540.238
Về hoạt động xây dựng	12.459.607.799	13.750.625.934
Lãi vay phải trả	-	240.000.000
Về chi phí dịch vụ khác	10.177.126.823	7.544.210.295
Cộng	69.561.457.831	70.972.192.881

17. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng ứng trước tiền dịch vụ,	376.196.188	78.028.750
Về hoạt động xây lắp	30.777.646.000	18.135.162.458
Cộng	31.153.842.188	18.213.191.208

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.880.682.289	760.797.133	1.451.083.604	1.190.395.818
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	3.593.934.828	1.688.373.186	5.282.308.014	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.503.817.628	6.712.886.424	21.216.935.934	11.999.768.118
Thuế thu nhập cá nhân	184.788.881	4.568.338.754	4.566.032.309	187.095.326
Thuế nhà thầu	52.121.425	623.343.423	675.464.848	-
Các loại thuế khác		9.000.000	9.000.000	
Cộng	<u>32.215.345.051</u>	<u>14.362.738.920</u>	<u>33.200.824.709</u>	<u>13.377.259.262</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.226.263.380	32.461.123.577
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	197.154.297	166.647.585
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.571.871.981)	(983.893.257)
Tổng thu nhập chịu thuế	26.851.545.696	31.643.877.905
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>6.712.886.424</u>	<u>7.910.969.477</u>

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí vật tư, phụ tùng, thuê phương tiện	2.003.127.288	
Chi phí SCL, SCTX, XDCB	8.319.998.721	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí điện, nước	196.324.481	
Chi phí thuê bến bãi, văn phòng	690.833.236	
Chi phí Depot	2.064.157.300	
Chi phí vận chuyển, xếp dỡ	5.730.889.278	1.854.105.554
Chi phí hoạt động xây lắp		1.907.302.477
Cộng	<u>19.005.330.304</u>	<u>3.761.408.031</u>

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.756.525.476	1.692.143.206
Bảo hiểm xã hội, y tế	443.602.101	342.996.444
Bảo hiểm thất nghiệp	10.636.854	5.925.688
Phải trả tiền đền bù thiệt hại của Sà lan 15	4.814.536.135	4.814.536.135
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.270.580.900	4.342.518.000
Phải trả, phải nộp khác	3.500.218.605	3.883.839.965
Cộng	<u>12.796.100.071</u>	<u>15.081.959.438</u>

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Quỹ khen thưởng Ban điều hành</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>
Số đầu năm	6.651.112.815	5.813.671.314		12.464.784.129
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận trong kỳ	1.074.168.940	1.074.168.940	300.000.000	2.448.337.880
Công ty mẹ cấp quỹ				0
Chi quỹ trong kỳ	(4.646.200.000)	(3.844.563.895)		(8.490.763.895)
Số cuối kỳ	<u>3.079.081.755</u>	<u>3.043.276.359</u>	<u>300.000.000</u>	<u>6.422.358.114</u>

22. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trung tâm Triển lãm và Xúc tiến Thương mại Quân đội ^(a)		2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN An Phú ^(b)	17.284.691.024	4.792.188.760
Sở Giao dịch Ngân hàng TMCP Á Châu ^(c)	483.125.000	3.564.500.000
Ngân hàng Natixis – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(d)	38.024.883.000	38.024.883.000
Cộng	<u>55.792.699.024</u>	<u>48.381.571.760</u>

^(a) Trong kỳ, Công ty đã chi trả nợ gốc khoản vay của Trung tâm Triển lãm và Xúc tiến Thương mại Quân đội theo hợp đồng vay số 41/HĐ/CKT-BQP

^(b) Là khoản vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội cụ thể như sau:

- Theo hợp đồng vay số 103.09/APU/TDH.97/180918.02 để xây dựng bến Sà lan tại Cảng Tân Cảng – Cái Mép, thời hạn vay là 05 năm, tài sản đảm bảo bằng 03 chiếc xe nâng QC 23,24,25-40 có giá trị được xác định là 15.500.000.000VNĐ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 52.09.APU/ĐS.06/180918.02.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

- Hợp đồng vay số 269.10.APU/TDH.195/180918.01 để xây dựng bến đóng gạo, thời hạn vay là 04 năm, tài sản đảm bảo bằng máy móc và thiết bị hình thành từ vốn vay có giá trị 8.323.386.542VNĐ theo Hợp đồng thế chấp số 155.10.APU/ĐS.35/180918.01 và 156.10.APU/101.TCBĐS/180918.02.

- Hợp đồng vay số 273.10.APU/TDH.198/180918.02 để mua xe nâng rỗng cũ, thời hạn vay 03 năm, tài sản đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay có giá trị 4.384.998.000VNĐ theo Hợp đồng thế chấp số 160.10.APU/ĐS.36/180918.03.

- Hợp đồng vay số 292.10.APU/TDH.210/180918.03 để mua xe nâng hàng và nâng rỗng cũ, thời hạn vay 05 năm, tài sản đảm bảo hình thành từ vốn vay có giá trị 17.156.002.000VNĐ theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 171.10.APU/ĐS.41/180918.04

- Hợp đồng vay số 134.09.APU/TDH.110/180918.05 để xây dựng bãi rỗng số hai và mua khung chụp Stinis, thời hạn vay 03 năm, tài sản đảm bảo hình thành từ vốn vay có giá trị 865.000.000VNĐ theo Hợp đồng thế chấp số 83.09.APU/ĐS.15/180918.03.

- Hợp đồng vay số 166.09.APU/TDH.134/180918.06 để xây dựng bãi rỗng 8.000m² và mua phụ tùng cho cầu Liebherr, thời hạn vay 03 năm, tài sản đảm bảo bằng xe nâng container Kalmar DRF450-60S5K có giá trị 4.200.000.000VNĐ theo Hợp đồng thế chấp số 93.09.APU/ĐS.18/180918.04.

(c) Là khoản vay của Sở giao Dịch Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu theo hợp đồng vay số 71228799 ngày 25/12/2009 để mua xe nâng, thời hạn vay là 03 năm, tài sản đảm bảo là 03 cầu khung bánh lốp trị giá được xác định là 12.123.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp số SGD.BDDN.04021109 ngày 04/12/2009.

(d) Là khoản vay của Ngân hàng Natixis – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để mua 02 cầu bánh lốp (Cầu RTG) tài sản đảm bảo được hình thành từ vốn vay.

23. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	774.782.963
Số trích lập trong năm	35.113.515
Số chi trong năm	(4.839.900)
Số cuối kỳ	805.056.578

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TÀI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

24. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	186.999.050.000	8.000.950.000	(13.492.590)	21.923.344.430	14.522.717.547	102.549.276.657	333.981.846.044
Lợi nhuận trong kỳ này						18.123.425.553	18.123.425.553
Trích lập các quỹ trong kỳ				1.809.342.743	904.671.371	(5.370.844.703)	(2.656.830.589)
Trích lập các quỹ ban đầu hành						(300.000.000)	(300.000.000)
Chia cổ tức năm 2010						(37.399.810.000)	(37.399.810.000)
Chia lãi liên doanh						(451.951.976)	(451.951.976)
Chi khác	-			-	-	(628.360.611)	(628.360.611)
Số dư cuối kỳ này	186.999.050.000	8.000.950.000	(13.492.590)	23.732.687.173	15.427.388.918	76.521.734.921	310.668.318.422

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

25. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	34.300.000.000	34.300.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	2.068.490.366	1.729.495.226
Quỹ dự phòng tài chính	1.068.828.593	899.331.022
Lợi nhuận chưa phân phối	6.981.418.989	4.438.955.438
Cộng	44.418.737.948	41.367.781.686

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.305.594.116	4.490.446.113
Doanh thu cung cấp dịch vụ	151.552.138.853	137.250.102.426
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	9.108.467.981	
Cộng	162.966.200.950	141.740.548.539

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hợp đồng xây dựng ^(a)	2.281.122.906	4.380.061.503
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	126.032.233.214	99.903.343.632
Cộng	128.313.356.120	104.283.405.135

^(a) Giá vốn hợp đồng xây dựng trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	2.871.996.526	5.250.552.724
Chi nhân công trực tiếp	-	166.500.000
Chi phí sử dụng máy thi công	207.205.394	848.728.396
Chi phí sản xuất chung	5.072.726	53.483.182
Chi phí thuê thầu phụ	2.454.082.710	
Tổng chi phí sản xuất	5.538.357.356	6.319.264.302
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(3.257.234.450)	(1.939.202.799)
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	2.281.122.906	4.380.061.503

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	632.660.859	1.265.230.160
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.541.873.855	18.244.987
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	81.968.315	17.651.987
Doanh thu hoạt động tài chính khác	185.166.667	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Cộng	<u>2.441.669.696</u>	<u>1.301.127.134</u>
4. Chi phí tài chính		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	1.109.104.982	587.909.741
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	43.355.269	3.226.602
Cộng	<u>1.152.460.251</u>	<u>591.136.343</u>
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên		36.584.860
Chi phí vật liệu, bao bì		34.340.115
Chi phí dụng cụ, đồ dùng		
Chi phí khấu hao TSCĐ		24.835.953
Chi phí dịch vụ mua ngoài	129.134.466	64.579.874
Chi phí bằng tiền khác	216.337.922	136.129.003
Cộng	<u>345.472.388</u>	<u>296.469.805</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	3.177.854.083	2.444.282.685
Chi phí vật liệu quản lý	162.781.618	198.740.294
Chi phí đồ dùng văn phòng	57.478.778	369.941.103
Chi phí khấu hao TSCĐ	183.397.694	131.051.956
Thuế, phí và lệ phí	453.530.848	47.321.603
Chi phí dự phòng	13.443.975	20.222.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.824.285.547	1.005.361.610
Chi phí bằng tiền khác	1.111.333.472	1.509.523.083
Cộng	<u>6.984.106.015</u>	<u>5.726.445.124</u>
7. Thu nhập khác		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác		306.342.819
Phạt do tiêu hao nhiên liệu vượt quá định mức	66.802.056	30.211.189
Thu khác	3.060.000	
Cộng	<u>69.862.056</u>	<u>336.554.008</u>
8. Chi phí khác		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền phạt vi phạm hợp đồng, vi phạm giao thông		8.600.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	101.252	
Chi phí khác	4.021.320	11.049.697

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Cộng	Kỳ này	Kỳ trước
	4.122.572	19.649.697
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.513.376.956	24.304.180.786
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(3.389.951.403)	(1.344.126.239)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.123.425.553	22.960.054.547
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.699.905	18.699.905
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	969	1.228

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng - Sóng Thần	Công ty con của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty con của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty con của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng	Công ty con của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép	Công ty con của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
Công ty Cổ phần Tân cảng Cypress	Công ty liên kết
Công ty TNHH Cảng QT Tân Cảng Cái Mép	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp vận Suối năng	Công ty liên kết của Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ	90.548.740.018	98.611.295.053
Hoạt động xây lắp cho Công ty mẹ		702.088.739
Mua vật tư phụ tùng của Công ty mẹ		12.028.870
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ	548.524.922	3.098.467.774
Thuê văn phòng của Công ty mẹ	1.062.384.551	351.115.445
Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng - Sóng Thần		
Cung cấp dịch vụ	18.861.818	12.348.864

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Phải trả về dịch vụ xếp dỡ		4.078.618.500
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng</i>		
Cung cấp dịch vụ	48.364.939	32.337.133
Phải trả về mua vật tư và dịch vụ sửa chữa	5.030.778.923	3.604.006.944
<i>Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng</i>		
Cung cấp dịch vụ	6.323.636	
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng – Cái Mép</i>		
Cung cấp dịch vụ	41.429.240.191	17.732.098.910
<i>Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng</i>		
Cung cấp dịch vụ	4.946.082.645	8.450.461.333
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng Long Bình</i>		
Cung cấp dịch vụ		59.252.727
<i>Công ty CP Tân cảng Cypress</i>		
Công ty CP Tân cảng Cypress cung cấp dịch vụ vận chuyển	192.636.364	
<i>Công ty TNHH Cảng QT Tân Cảng Cái Mép</i>		
Phải thu về cung cấp dịch vụ	12.997.342.685	17.732.098.910
<i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Suối năng</i>		
Cung cấp dịch vụ	1.358.812.001	2.094.429.086

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn</i>		
Phải thu về cung cấp dịch vụ	77.998.585.242	90.361.582.366
<i>Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng - Sóng Thần</i>		
Phải thu phí dịch vụ	51.363.000	30.615.000
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng</i>		
Phải thu về dịch vụ đã cung cấp	63.159.207	45.637.477
<i>Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng</i>		
Ứng trước tiền sửa chữa	2.564.495.540	-
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng – Cái Mép</i>		
Phải thu dịch vụ vận tải bằng Sà lan	40.810.947.236	17.838.105.650
<i>Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng</i>		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	2.326.721.440	2.690.956.877
<i>Công ty CP Tân cảng Cypress</i>		
Cung cấp dịch vụ khai thuê Hải quan	192.150.000	51.550.000
<i>Công ty TNHH Cảng Quốc Tế Tân Cảng - Cái Mép</i>		
Phải thu tiền dịch vụ vận chuyển bằng Sà Lan	12.755.486.946	
<i>Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái</i>		
Cung cấp dịch vụ	1.051.507.840	878.417.500
<i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Suối năng</i>		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	533.644.016	1.116.446.188
Cộng nợ phải thu	138.348.060.467	113.013.311.058

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 năm 2011 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn		
Phải trả về dịch vụ được cung cấp	1.007.109.839	248.067.570
Nhận ứng trước tiền xây dựng công trình	30.777.646.000	18.022.348.798
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng - Sóng Thần		
Phải trả về dịch vụ xếp dỡ	27.586.700	3.810.483.285
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
Phải trả về cung cấp vật tư, dịch vụ sửa chữa	4.629.202.052	4.683.390.378
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Tân Cảng		
Phải trả về hoạt động xây lắp đã cung cấp		
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng		
Phải trả về dịch vụ bốc xếp vận chuyển	37.350.000	37.350.000
Công ty TNHH Cảng QT Tân Cảng Cái Mép		
Ứng trước tiền hàng	30.000.000	46.264.750
Công ty Cổ phần Tiếp vận Suối Năng		
Phải trả tiền nhận ký cược ký quỹ thuê kho bãi	1.434.000.000	1.434.000.000
Cộng nợ phải trả	<u>36.478.894.591</u>	<u>26.801.640.031</u>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Lập, ngày 18 tháng 05 năm 2011

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

Lê Việt Hải

Đỗ Thanh Trường

Nguyễn Văn Uẩn